



**Trung tâm Tin học và
Thống kê**

**Cục Chế biến và Phát triển
thị trường nông sản**

**Viện Chính sách và Chiến lược
Phát triển nông nghiệp nông thôn**

THÔNG TIN THAM KHẢO ĐỊNH KỲ VỀ THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THÁNG 3/2021

1

Kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản tháng 3 năm 2021 ước đạt 4,12 tỷ USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu 3 tháng đầu năm 2021 đạt 10,61 tỷ USD, tăng 19,7% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, giá trị xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính ước đạt 4,59 tỷ USD, tăng 10,2%; Giá trị xuất khẩu thủy sản ước đạt 1,69 tỷ USD, tăng 3,3%; Giá trị xuất khẩu chăn nuôi ước đạt 89 triệu USD, tăng 34,7%; Giá trị xuất khẩu các mặt hàng lâm sản chính ước đạt 3,94 tỷ USD, tăng 41,6%. Ước tổng giá trị xuất khẩu nông, lâm, thủy sản 3 tháng đầu năm 2021 của Việt Nam tới các thị trường thuộc khu vực châu Á (chiếm thị phần 54,4%), châu Mỹ (32,2%), châu Âu (11,8%), châu Đại Dương (1,8%) và châu Phi (1,5%).

Trong khi đó, ước giá trị nhập khẩu nông, lâm, thủy sản tháng 3 năm 2021 đạt 3,02 tỷ USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu 3 tháng đầu năm 2021 đạt 7,74 tỷ USD, tăng 44,7% so với cùng kỳ năm 2020. Ước tổng giá trị nhập khẩu nông, lâm, thủy sản 3 tháng đầu năm 2021 của Việt Nam từ các thị trường thuộc khu vực châu Á (chiếm thị phần 47,4%), châu Mỹ (29,5%), châu Âu (6%), châu Phi (4,9%) và châu Đại Dương (5,4%) đều tăng so với cùng kỳ năm 2020.

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG MỘT SỐ NÔNG SẢN CHỦ LỰC

1. Lúa gạo:

Khối lượng gạo xuất khẩu tháng 3 năm 2021 ước đạt 450 nghìn tấn với giá trị đạt 246 triệu USD, đưa tổng khối lượng gạo xuất khẩu 3 tháng đầu năm 2021 đạt 1,1 triệu tấn với giá trị 606 triệu USD, giảm 30,4% về khối lượng và giảm 17,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020. Philippin là thị trường tiêu thụ gạo lớn nhất của Việt Nam trong 2 tháng đầu năm 2021 với 38,3% thị phần. Xuất khẩu gạo sang thị trường này trong 2

tháng đầu năm 2021 đạt 225,9 nghìn tấn và 137,6 triệu USD, giảm 28,3% về khối lượng và giảm 11% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020. Trong 2 tháng đầu năm 2021, các thị trường có giá trị xuất khẩu gạo tăng mạnh là Trung Quốc (gấp 2,3 lần) và Ôxtraylia (tăng 81,1%). Ngược lại, thị trường có giá trị xuất khẩu gạo giảm mạnh nhất là Mozambique (giảm 83,6%). Giá gạo xuất khẩu bình quân 2 tháng đầu năm 2021 đạt 547,9 USD/tấn, tăng 18,2% so với cùng kỳ năm 2020.

Về chủng loại xuất khẩu, trong hai tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu gạo trắng chiếm 39,9% tổng kim ngạch; gạo jasmine và gạo thơm chiếm 30,8%; gạo nếp chiếm 26,3%; gạo japonica và gạo giống Nhật chiếm 2,9%, còn các loại gạo khác chiếm 0,1%. Các thị trường xuất khẩu gạo trắng lớn nhất của Việt Nam là Philippin (chiếm 68,6%), Cuba (chiếm 11,2%) và Ghana (chiếm 4,5%). Với gạo jasmine và gạo thơm, thị trường xuất khẩu lớn nhất là Philippin (chiếm 29,8%), Ghana (21,4%) và Bờ Biển Ngà (chiếm 9,9%). Với gạo nếp, thị trường xuất khẩu lớn là Trung Quốc (chiếm 84,1%), Malaysia (chiếm 5,4%) và Philippin (chiếm 5,2%). Với gạo japonica và gạo giống Nhật, thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam là Philippin (chiếm 13,7%), Đảo quốc Solomon (chiếm 13,7%) và Trung Quốc (chiếm 10,9%).

2

Trong tháng 3/2021, giá xuất khẩu bình quân gạo Việt Nam đạt 547 USD/tấn, tăng 0,5% so với tháng 02/2021 và tăng 19,1% so với tháng 3/2020. Tính bình quân trong Quý I/2021, giá xuất khẩu bình quân gạo đã tăng 18,6% so với cùng kỳ năm 2020, đạt 547USD/tấn. Nguyên nhân tăng là do nhu cầu mua gạo Đông Xuân vụ mới từ Việt Nam của các đối tác nước ngoài tăng cao. Giá gạo 5% của Ấn Độ đạt 396 USD/tấn vào đầu tháng nhưng đã tăng 401 USD/tấn vào cuối tháng, hiện gạo Ấn Độ đang có giá thấp nhất trong ba nước xuất khẩu gạo lớn nhất nên khả năng cạnh tranh tương đối cao so với các nước còn lại. Trong khi đó, giá gạo Thái Lan đạt mức 538 USD/tấn vào đầu tháng nhưng đã giảm xuống 509 USD/tấn vào cuối tháng, nguyên nhân chính là do tỷ giá giảm.

Trong tháng 3/2021, giá lúa Đông Xuân tại các tỉnh ĐBSCL diễn biến giảm. Cụ thể, tại An Giang, lúa IR50404 giảm từ 7.100 đồng/kg xuống 6.600 đồng/kg, với mức thấp là 6.400 đồng/kg ghi nhận ngày 16/3; lúa OM 2514 giảm từ 7.000 đồng/kg xuống 6.600 đồng/kg; gạo thường có giá 11.000 đồng/kg; gạo thơm đặc sản jasmine ở mức 15.000 đồng/kg. Tại Kiên Giang, lúa IR50404 giảm mạnh, từ 7.300 – 7.400 đồng/kg xuống còn 6.300 – 6.400 đồng/kg; lúa OM 6976 giảm còn 6.400 – 6.600 đồng/kg; lúa OM 5451 ở mức 6.500 – 6.600 đồng/kg. Tại Vĩnh Long, lúa IR50404 sụt giảm 200 đồng/kg, từ 7.000 đồng/kg xuống 6.800 đồng/kg; trong khi lúa khô tăng 1.500 đồng/kg lên 9.000 đồng/kg; lúa hạt dài sụt giảm 300 đồng/kg xuống 6.900 đồng/kg; lúa khô tăng lên mức 9.500 đồng/kg. Tại Bạc Liêu, Tại Bạc Liêu, nông dân bắt đầu thu hoạch lúa tẻ nguyên, hiện có giá 7.300 – 7.750 đồng/kg.

Một số nhận định và dự báo: (i) Nhìn lại 3 tháng đầu năm, giá lúa tại ĐBSCL không biến động nhiều, với các mức giá ở thời điểm hiện tại xấp xỉ hồi đầu tháng 1, khi

bắt đầu thu hoạch lúa Đông Xuân thị trường mới sôi động hơn, giá lúa diễn biến theo chiều hướng tích cực. (ii) Theo Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA), xuất khẩu gạo từ cuối tháng 3/2021 sẽ sôi động hơn khi nguồn cung lúa hàng hóa có mặt trên thị trường dồi dào và các doanh nghiệp đã hoàn tất chế biến gạo xuất khẩu.

2. Rau quả

Giá trị xuất khẩu rau quả tháng 3 năm 2021 ước đạt 380 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu rau quả 3 tháng đầu năm 2021 đạt 944 triệu USD, tăng 6,1% so với cùng kỳ năm 2020. Trung Quốc đứng vị trí thứ nhất về thị trường nhập khẩu rau quả của Việt Nam trong 2 tháng đầu năm 2021 với 62,5% thị phần. Xuất khẩu rau quả sang thị trường này trong 2 tháng đầu năm 2021 đạt 352,83 triệu USD, tăng 17,5% so với cùng kỳ năm 2020. Tiếp đến là thị trường Hoa Kỳ đạt 23,4 triệu USD (chiếm 4,2%, tăng 3,7%); Thái Lan đạt 22,2 triệu USD (chiếm 3,9%, giảm 37,1%); Nhật Bản đạt 18,1 triệu USD (chiếm 3,2%, giảm 13,9%). Những tháng đầu năm 2021, các thị trường có giá trị xuất khẩu rau quả tăng lớn nhất là Ucraina (gấp 11 lần) và Campuchia (gấp 6,1 lần). Ngược lại các thị trường có giá trị xuất khẩu rau quả giảm nhiều nhất là Ấn Độ (giảm 65,0%); Lào (giảm 63,4%), Đức (giảm 51,0%), Hàn Quốc (-37,9%).

3

Trong khi đó, ước giá trị nhập khẩu mặt hàng rau quả tháng 3/2021 đạt 100 triệu USD, đưa tổng giá trị mặt hàng rau quả nhập khẩu 3 tháng đầu năm 2021 đạt 344 triệu USD, tăng 17,4% so với cùng kỳ năm 2020. Trung Quốc, Hoa Kỳ và Myanmar là ba thị trường cung cấp rau quả nhập khẩu lớn nhất cho Việt Nam trong 2 tháng đầu năm 2021. So với cùng kỳ năm 2020, giá trị nhập khẩu rau quả 2 tháng đầu năm 2021 từ Trung Quốc (tăng 74,2%), Hoa Kỳ (giảm 7%), Myanmar (tăng 69,6%).

Trong tháng 3/2021, giá xoài giảm mạnh so với thời điểm sau Tết; nguyên nhân là do ảnh hưởng của dịch Covid-19, sản lượng nhiều trong bối cảnh tiêu thụ gặp khó khăn. Cụ thể, giá xoài Đài Loan thu mua tại vườn ở Vĩnh Long chỉ còn từ 5.000 - 6.000 đồng/kg, còn giá xoài cát nôm từ 8.000 - 10.000 đồng/kg. Trong khi cùng kỳ năm trước, giá xoài ở ĐBSCL thấp nhất là 17.000 đồng/kg.

Hiện bưởi da xanh tại Khánh Hòa đang ở mức thấp kỷ lục, trung bình giá chỉ từ 15.000 - 25.000 đồng/kg (ở thời điểm cuối năm 2019 đầu năm 2020 ở mức 35.000 - 45.000 đồng/kg) và tình hình tiêu thụ bưởi tại các nhà vườn chậm. Nguyên nhân do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 làm thị trường tiêu thụ thu hẹp, giá bưởi giảm mạnh, trong khi diện tích bưởi da xanh đang phát triển khá mạnh.

Sau khi việc xuất khẩu cà rốt sau gặp khó khăn trong việc vận chuyển ra cảng Hải Phòng do COVID-19 đã được giải quyết, đồng thời việc Bộ Nông nghiệp và PTNT đàm phán và Hàn Quốc nhập khẩu cà rốt trở lại đã giúp việc tiêu thụ cà rốt cả xuất khẩu và nội địa rất thuận lợi, giá đã tăng lên mức giá là 9.000 - 10.000 đồng/kg (loại đẹp).

Giá rau củ tại thị trường Đà Lạt, Lâm Đồng có xu hướng giảm so với tháng trước do nguồn cung lớn trong khi nhu cầu lại không tăng. Các loại rau củ quả: su su, cải thảo, bắp cải trắng, ớt chuông... đều có mức giảm 1.000-5.000đ/kg so với tháng trước. Cùng với diễn biến của nguồn cung lớn tại Lâm Đồng, và một số tỉnh khu vực miền Bắc, người dân trồng rau tại tỉnh Quảng Nam cũng điêu đứng vì giá rau giảm mạnh. Trong Tết khổ qua có giá 40.000 đồng/kg nay giảm còn 4.000 đồng/kg, giá bầu từ 7.000 - 10.000 đồng/kg giờ chỉ còn 2.000 đồng/kg.

Một số nhận định và dự báo: (i) Bộ Nông, Lâm, Ngư nghiệp Nhật Bản vừa cấp bằng bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với Vải thiều Lục Ngạn của tỉnh Bắc Giang. Đây là sản phẩm đầu tiên của Việt Nam được cấp Bằng chỉ dẫn địa lý tại Nhật Bản. Trước đó, vải thiều cũng đã bảo hộ thành công nhãn hiệu tại Trung Quốc, Lào, Campuchia, Hàn Quốc, Singapore, Australia và được tiêu thụ tại nhiều nước trên thế giới. Với việc được cấp Bằng bảo hộ chỉ dẫn địa lý sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho vải thiều Lục Ngạn xuất khẩu sang Nhật Bản và mở rộng tiêu thụ vào các thị trường khác. (ii) Người dân Trung Quốc có xu hướng thay đổi thị hiếu tiêu dùng theo hướng tăng tiêu thụ chuối chất lượng cao. Đây là cơ hội để doanh nghiệp Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu chuối sang Trung Quốc trong thời gian tới.

4

3. Sắn

Khối lượng xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn trong tháng 3 năm 2021 ước đạt 385 nghìn tấn với giá trị đạt 142 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn 3 tháng đầu năm 2021 ước đạt 1,08 triệu tấn và 396 triệu USD, tăng 40,3% về khối lượng và tăng 53,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020. Trong 2 tháng đầu năm 2021, Trung Quốc là thị trường nhập khẩu chính, chiếm tới 95,3% thị phần, tăng 64,6% về khối lượng và tăng 86% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

Tháng 3/2021, giá sắn nguyên liệu trong nước tăng mạnh nên giá tinh bột sắn thành phẩm cũng được điều chỉnh tăng. Tại Tây Ninh, giá sắn nguyên liệu dao động trong khoảng 3.350 – 3.500 đồng/kg. Các nhà máy tinh bột sắn khu vực Tây Ninh tiếp tục điều chỉnh tăng giá tinh bột thành phẩm.

Tỉnh Gia Lai hiện có trên 74 nghìn ha trồng sắn. Hiện tại, giá sắn tươi đang được các cơ sở thu mua từ 2.000 – 3.000 đồng/kg, tùy vào hàm lượng tinh bột, cao hơn niên vụ trước gần 1.000 đồng/kg.

4. Cà phê

Xuất khẩu cà phê tháng 3 năm 2021 ước đạt 145 nghìn tấn với giá trị đạt 275 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu cà phê 3 tháng đầu năm 2021 đạt 428 nghìn tấn và 771 triệu USD, giảm 17% về khối lượng và giảm 11,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020. Đức, Ý và Hoa Kỳ là ba thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt Nam trong 2 tháng đầu năm 2021 với thị phần lần lượt là 14,1%, 8,4% và 7,2%. Trong 2 tháng đầu

năm 2021 giá trị xuất khẩu cà phê tăng mạnh nhất tại Trung Quốc (tăng 83,3%), ngược lại giá trị xuất khẩu cà phê giảm mạnh tại Bỉ (giảm 51,5%). Giá cà phê xuất khẩu bình quân 2 tháng đầu năm 2021 đạt 1.752 USD/tấn, tăng 3,7% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong tháng 3/2021, giá cà phê thế giới biến động giảm. So với tháng trước, giá cà phê Robusta giao tháng 5/2021 thị trường London giảm 75 USD/tấn xuống mức 1.398 USD/tấn. Giá cà phê giảm do Brazil gia tăng bán cà phê bởi có sự hỗ trợ từ đồng Reais yếu hơn và báo cáo về tình hình thời tiết tốt ở vành đai cà phê phía đông nam Brazil tạo điều kiện thuận lợi cho vụ mùa cà phê mới. Trong khi đó, lợi suất dài hạn trái phiếu kho bạc Mỹ tăng vọt lên mức kỷ lục đã thu hút dòng vốn đầu cơ, bỏ rơi các sản hàng hóa phái sinh, nhất là các sản cà phê.

Thị trường cà phê trong nước biến động giảm cùng xu hướng thị trường cà phê thế giới. Giá cà phê với nhân xô các tỉnh Tây Nguyên hiện ở mức 32.000 – 32.900 đồng/kg, giảm 400 đồng/kg. Giá cà phê Robusta giá FOB giao tại cảng thành phố Hồ Chí Minh giảm 75 USD/tấn xuống còn 1.453 USD/tấn.

Trong quý I/2021, giá cà phê trong nước trong xu thế giảm. So với cuối năm 2020, giá cà phê với nhân xô các tỉnh Tây Nguyên giảm 100 – 600 đồng/kg. Giá cà phê giảm khi có nhiều báo cáo xuất khẩu tăng từ các nước sản xuất. Sức ép của lực bán phòng hộ hàng vụ mới khá đáng kể không chỉ từ các nước sản xuất mà còn do đầu cơ bán rông trên cả hai sản cà phê phát sinh khi dịch bệnh gia tăng, kinh tế toàn cầu suy thoái buộc nhiều quốc gia phải tung ra những gói kích cầu mới. Thời gian qua, nhiều hộ trồng cà phê Tây Nguyên đã thực hiện trồng xen canh nên khi giá cà phê xuống thấp các hộ không vội bán cà phê mà trữ chờ giá lên trong khi bù đắp nguồn thu nhập từ cây trồng khác, chẳng hạn như tiêu với giá cả đang tăng nóng trong những tuần gần đây.

Một số nhận định và dự báo: Nhu cầu đối với phân khúc cà phê hòa tan chất lượng cao toàn cầu cũng có xu hướng đi lên do nhu cầu làm việc tại nhà gia tăng đáng kể từ khi dịch COVID-19 bùng phát. Cơ quan Thống kê Quốc gia Brazil (IBGE) đã đưa ra dự báo vụ cà phê 2021/2022 của nước này sẽ thấp hơn 27,30% so với năm trước, ở mức 45 triệu bao, nguồn cung ít sẽ hỗ trợ giá cà phê. Tuy nhiên, việc xuất khẩu trước mắt sang thị trường EU và Hoa Kỳ vẫn gặp khó khăn do tình trạng thiếu container vận chuyển tuy đã đỡ căng thẳng hơn trước nhưng giá cước vẫn cao.

5. Chè

Khối lượng xuất khẩu chè tháng 3 năm 2021 ước đạt 10 nghìn tấn với giá trị đạt 16 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu chè 3 tháng đầu năm 2021 đạt 26 nghìn tấn và 41 triệu USD, giảm 3,1% về khối lượng nhưng tăng 6,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020. Giá chè xuất khẩu bình quân 2 tháng đầu năm 2021 đạt 1.607 USD/tấn, tăng 8,5% so với cùng kỳ năm 2020. Trong 2 tháng đầu năm 2021, khối lượng chè xuất khẩu sang

Pakistan – thị trường lớn nhất của Việt Nam với 37,9% thị phần tăng trở lại sau khi nhập khẩu giảm trong năm 2020 – tăng 1,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

Giá chè trên thị trường thế giới có xu hướng tăng giảm trái chiều tại các thị trường khác nhau. Tại Ấn Độ, giá chè tiếp tục xu hướng đi xuống từ tháng trước vào đầu tháng này do nhu cầu yếu nhưng hồi phục nhẹ vào giữa tháng khi nhu cầu tăng lên. Giá chè trung bình trong tháng 3 tại các phiên mở bán của Hiệp hội Thương mại chè Coonoor (CTTA) đạt 122.26 Rs/kg, giảm 6,7 Rs/kg so với tháng trước. Giá chè tại phiên đấu giá Mombasa (Kenya) đã chạm mốc 2 USD/kg lần đầu tiên sau 18 tuần, cho thấy nhu cầu đối với chè Kenya đang tăng lên trong bối cảnh khối lượng giảm. Hiệp hội Thương mại Chè Đông Phi (EATTA) dự báo giá sẽ tăng lên trong năm nay do điều kiện khí hậu và nhu cầu tăng tại các thị trường chính là Pakistan (nơi chiếm 38% xuất khẩu chè của Kenya), Ai Cập, Anh và Sudan.

Thị trường chè nguyên liệu trong nước ổn định trong tháng. Tại Bảo Lộc (Lâm Đồng), giá chè cành ổn định 9.500 đ/kg, chè hạt 7.300 đ/kg. Nhìn chung trong 3 tháng đầu năm nay, thị trường chè nguyên liệu trong nước không có biến động mạnh do nguồn nguyên liệu đủ để cung cấp cho nhu cầu trong dịp Tết cổ truyền. Đại dịch Covid-19 tuy có làm gián đoạn chuỗi cung ứng và vận chuyển hàng hóa nhưng lại khiến nhu cầu tiêu dùng chè tại gia tăng lên. Giá chè xuất khẩu của Việt Nam vẫn ở mức tốt.

6

6. Tiêu

Khối lượng tiêu xuất khẩu tháng 3 năm 2021 ước đạt 30 nghìn tấn, với giá trị đạt 86 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu tiêu 3 tháng đầu năm 2021 đạt 60 nghìn tấn và 174 triệu USD, giảm 25% về khối lượng và giảm 1,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020. Các thị trường xuất khẩu tiêu lớn nhất của Việt Nam trong 2 tháng đầu năm 2021 là Hoa Kỳ, Ấn Độ và Tiểu Vương Quốc Ảrập Thống nhất với 38% thị phần. Hai tháng đầu năm 2021, thị trường có giá trị xuất khẩu tiêu tăng mạnh nhất là thị trường Thổ Nhĩ Kỳ (gấp 2,92 lần). Giá tiêu xuất khẩu bình quân 2 tháng đầu năm 2021 đạt 2.891 USD/tấn, tăng 25,3% so với cùng kỳ năm 2020.

Tại thị trường thế giới tính đến cuối phiên giao dịch của ngày 25/3/2021, giá tiêu giao ngay tại sàn Kochi, Ấn Độ tiếp tục tăng nhẹ lên mức 38.100 rupee/ tạ. Hiện tại, do tỷ giá tính chéo của đồng Việt Nam đối với đồng rupee Ấn Độ (INR) từ ngày 18/3-25/3/2021 được Ngân hàng Nhà nước áp dụng tính thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu là 319,7 VND/INR.

Giá hồ tiêu nguyên liệu trong nước trong tháng 3/2021 vẫn biến động tăng mạnh. Giá tiêu tại Bà Rịa Vũng Tàu tăng 17.500 đồng/kg lên mức 73.000 đồng/kg. Tính đến ngày 25/3/2021, giá tiêu tại các tỉnh Đắk Lắk - Đắk Nông, Gia Lai, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu và Bình Phước đều tăng 1.000 đồng so với ngày trước đó, giao dịch thu mua

ở ngưỡng lần lượt là 72.000 đồng/kg, 71.000 đồng/kg, 70.000 đồng/kg, 74.000 đồng/kg và 73.000 đồng/kg. Nhìn chung, trong cả quý I/2021, giá tiêu trong nước biến động tăng với mức tăng từ 16.000 – 18.500 đồng/kg. Giá hạt tiêu tăng do nguồn cung giảm trong khi nhu cầu có khởi sắc.

7. Điều

Khối lượng hạt điều xuất khẩu tháng 3 năm 2021 ước đạt 41 nghìn tấn với giá trị 240 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu hạt điều 3 tháng đầu năm 2021 đạt 108 nghìn tấn và 634 triệu USD, tăng 13,2% về khối lượng nhưng giảm 5,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020. Trong 2 tháng đầu năm 2021, Hoa Kỳ, Trung Quốc và Hà Lan vẫn duy trì là 3 thị trường nhập khẩu điều lớn nhất của Việt Nam chiếm thị phần lần lượt là 25,1%, 16,8% và 9,5% tổng giá trị xuất khẩu hạt điều. Trong các tháng đầu năm 2021 giá trị xuất khẩu điều tăng mạnh nhất tại thị trường Tiểu Vương Quốc Ảrập Thống nhất (gấp 5,67 lần). Ngược lại, thị trường có giá trị xuất khẩu điều giảm mạnh nhất là thị trường Anh giảm 58,9%. Giá hạt điều xuất khẩu bình quân 2 tháng đầu năm 2021 đạt 5.867 USD/tấn, giảm 16,8% so với cùng kỳ năm 2020.

Khối lượng hạt điều nhập khẩu trong tháng 3/2021 ước đạt 300 nghìn tấn với giá trị nhập khẩu ước đạt 490 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị nhập khẩu hạt điều 3 tháng đầu năm 2021 đạt 539 nghìn tấn và 839 triệu USD, tăng 174,2% về khối lượng và tăng 171,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020. Tanzania, Campuchia và Bờ Biển Ngà là ba thị trường cung cấp hạt điều nhập khẩu chính cho Việt Nam trong 2 tháng đầu năm 2021. Giá trị hạt điều nhập khẩu trong 2 tháng đầu năm 2021 từ 3 thị trường này đều tăng so với cùng kỳ 2020, với mức tăng lần lượt là 2,6 lần, 3,3 lần và 2 lần.

Thị trường điều thô Ấn Độ đang vấp phải sự kháng giá của nông dân. Giá điều thô chưa sấy hiện vào khoảng 105 Rs/kg tại Kerala và miền nam Karnataka. Điều thô loại chất lượng giảm 30% đang biến động trên mức 118 Rs/kg tại Maharashtra. Giá đôi với các vườn điều đã chín ở mức 125 Rs/kg tại Goa và xấp xỉ 120 Rs/kg tại khu vực ven biển Karnataka.

Tại thị trường trong nước, giá điều nguyên liệu biến động trái chiều trong tháng qua. Cụ thể, điều khô mua xô tại Bình Phước giảm từ 34.000 đồng/kg xuống 31.500 đồng/kg; tại Đồng Nai, điều khô mua xô tăng từ 28.000 đồng/kg lên 30.500 đồng/kg. Tính chung 3 tháng đầu năm, giá điều nguyên liệu tại Bình Phước tăng từ đầu năm cho đến khoảng giữa tháng 3, sau đó bắt đầu giảm; trong khi lại tăng nhẹ ở Đồng Nai.

8. Cao su

Khối lượng xuất khẩu cao su tháng 3 năm 2021 ước đạt 140 nghìn tấn với giá trị đạt 243 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu cao su 3 tháng đầu năm 2021 đạt 435 nghìn tấn và 721 triệu USD, tăng 89,7% về khối lượng và gấp 2,17 lần về giá trị so với cùng kỳ năm 2020. Giá cao su xuất khẩu bình quân 2 tháng đầu năm 2021 đạt 1.624 USD/tấn,

tăng 11,2% so với cùng kỳ năm 2020. Trung Quốc, Ấn Độ và Mỹ là 3 thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất của Việt Nam trong 2 tháng đầu năm 2021, chiếm thị phần lần lượt là 71,4%, 4,5% và 2,6%. Trong 2 tháng đầu năm 2021 giá trị xuất khẩu cao su tăng ở tất cả các thị trường.

Trong khi đó, ước khối lượng nhập khẩu cao su trong tháng 3/2021 đạt 155 nghìn tấn với giá trị đạt 243 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị cao su nhập khẩu 3 tháng đầu năm 2021 đạt 532 nghìn tấn và 722 triệu USD, gấp 2,9 lần về khối lượng và gấp 2,5 lần về giá trị so với cùng kỳ năm 2020. Campuchia (chiếm thị phần 52,2%), Hàn Quốc (8,2%), Trung Quốc (7,1%) là ba thị trường cung cấp cao su nhập khẩu chính cho Việt Nam trong những tháng đầu năm 2021. So với cùng kỳ năm 2020, giá trị nhập khẩu cao su từ Campuchia gấp 11,2 lần, Hàn Quốc tăng 17,8% và Trung Quốc tăng 3,1 lần.

Giá cao su tại Sở Giao dịch hàng hóa kỳ hạn Osaka (OSE) diễn biến tăng trong tháng 3/2021, được hỗ trợ bởi việc OECD nâng dự báo tăng trưởng toàn cầu năm 2021 từ 4,2% lên 5,6% khi việc triển khai vắc xin Covid-19 đang nhanh chóng diễn ra ở một số quốc gia. Kết thúc phiên giao dịch ngày 17/3, hợp đồng benchmark kỳ hạn tháng 8/2021 đạt 272,8 yên/kg, tăng 12,7 yên (tương đương 4,9%) so với giá đóng cửa phiên đầu tháng ngày 2/3 ở mức 260,1 yên/kg. Giá cao su physical trên thị trường châu Á diễn biến tăng cùng chiều với thị trường kỳ hạn. Cụ thể, RSS3 Thái Lan ngày 18/3 ở mức 2,37 USD/kg, tăng 0,14 USD/kg; STR20 Thái Lan ở mức 1,81 USD/kg, tăng 0,10 USD/kg; SMR20 Malaysia ở mức 1,85 USD/kg, tăng 0,10 USD/kg so với ngày 3/3.

Tại thị trường trong nước, giá mủ cao su thiên nhiên dạng nước tại Đồng Nai tháng 3/2021 đã giảm nhẹ so với tháng trước, từ 10.800 đồng/kg xuống 9.500 đồng/kg. Trong khi đó, các đồn điền cao su tại Bình Phước đã ngừng cạo mủ. Tính trong 3 tháng đầu năm 2021, giá mủ cao su dạng nước và mủ cao su thô tại Bình Phước giữ ở mức 320 đồng/độ và 12.000 đồng/kg trong suốt thời gian này cho đến khi ngừng khai thác.

Một số nhận định và dự báo: (i) Theo số liệu của Cơ quan Thống kê Trung Quốc cho thấy, trong 2 tháng đầu năm 2021, lượng lốp cao su xuất khẩu của Trung Quốc tăng 46,8% so với cùng kỳ năm 2020. Xuất khẩu lốp xe của Trung Quốc dự báo sẽ vẫn duy trì ở mức tương đối tốt trong ngắn hạn khi dịch bệnh trên thế giới giảm xuống. (ii) Dữ liệu sản xuất vỏ xe năm 2021 cho thấy, sản lượng vỏ xe cộng dồn từ tháng 1 đến tháng 2 là 13.3208.000 chiếc, tăng 73,7% so với cùng kỳ năm 2020. Đáng chú ý, sản lượng vỏ xe sản xuất từ tháng 1 đến tháng 2 năm 2021 đang ở mức cao nhất trong 4 năm qua. (iii) Việc khởi động nhà máy hiện tại vẫn đang ở mức cao. Hầu hết các nhà máy đã có đủ đơn đặt hàng để bán trong nước và nước ngoài, tổng lượng tồn kho thành phẩm thấp và các thông số cho thấy doanh số đang khá tốt. Dự kiến rằng sản lượng sản phẩm lốp xe trong tháng 3 sẽ vẫn ở mức cao nhất trong vòng 5 năm trở lại đây¹.

¹ Thông tin từ Trung tâm Thông tin Thương mại và Công nghiệp – Bộ Công Thương

9. Sản phẩm chăn nuôi

Giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi tháng 3 năm 2021 ước đạt 37 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi 3 tháng đầu năm 2021 ước đạt 89 triệu USD, tăng 34,7% so với cùng kỳ năm 2020. Trong khi đó, ước giá trị nhập khẩu chăn nuôi tháng 3 năm 2021 đạt 349 triệu USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu chăn nuôi 3 tháng đầu năm 2021 đạt 913 USD, tăng 14% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, giá trị nhập khẩu sữa và các sản phẩm sữa ước đạt 287 triệu USD, tăng 1%; giá trị nhập khẩu các sản phẩm chăn nuôi khác ước đạt 626 triệu USD, tăng 21,2%.

Thị trường thế giới, giá lợn nạc giao tháng 3/2021 tại thị trường Chicago, Mỹ tăng 7,9 UScent/lb trong tháng qua lên mức 95,05 UScent/lb. Giá thịt lợn tăng do nhu cầu tăng trong bối cảnh nguồn cung thịt lợn có xu hướng giảm.

Tại thị trường trong nước, nhìn chung trong Quý I/2021, giá lợn hơi trong nước có xu hướng giảm. So với cuối năm 2020, giá lợn hơi tại miền Bắc và miền Trung, Tây Nguyên giảm 3.000 – 4.000 đồng/kg. Giá lợn hơi tại miền Nam giảm 2.000 – 3.000 đồng/kg. Giá gà công nghiệp miền Bắc giảm 9.000 đồng/kg. Giá gà công nghiệp miền Trung giảm 6.000 đồng/kg. Giá gà công nghiệp miền Đông và miền Tây Nam Bộ giảm 5.000 – 7.000 đồng/kg xuống còn 19.000 – 20.000 đồng/kg. Giá gà có xu hướng giảm do ảnh hưởng của dịch Covid-19, hàng quán, lễ hội ngừng hoạt động trong thời gian khá dài. Giá trứng gà miền Bắc giảm 100 – 200 đồng/quả, giá trứng gà miền Trung giảm 100 – 300 đồng/quả, giá trứng gà miền Đông và miền Tây Nam Bộ giảm 150 – 350 đồng/quả. Giá trứng giảm do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên các nhà máy, doanh nghiệp sản xuất thực phẩm hạn chế thu mua và lượng tiêu thụ trứng trong dân giảm. Trong khi đó, nguồn cung trứng gia cầm từ các trang trại, hộ chăn nuôi nhỏ lẻ trên toàn quốc lại ở mức cao.

Đối với thịt lợn, trong tháng qua tại khu vực miền Bắc, giá lợn hơi dao động trong khoảng 74.000 - 76.000 đồng/kg, giảm 1.000 – 2.000 đồng/kg so với tháng trước. Tại Lào Cai, Tuyên Quang, Bắc Giang, Nam Định, Phú Thọ, giá lợn hơi được ghi nhận ở mức 74.000 đồng/kg. Trong khi đó, giá lợn hơi tại Hưng Yên ở mức 76.000 đồng/kg. Tại khu vực miền Trung, Tây Nguyên, giá thu mua lợn hơi giảm 2.000 - 4.000 đồng/kg so với tháng trước, và dao động trong khoảng 70.000 - 75.000 đồng/kg. Tại Thừa Thiên Huế giảm còn 71.000 đồng/kg. Tại Bình Thuận, giá lợn hơi giảm 2.000 đồng/kg, xuống còn 73.000 đồng/kg. Tại khu vực miền Nam giảm 1.000 - 5.000 đồng/kg so với tháng trước, ở mức 72.000 - 77.000 đồng/kg. Đồng Nai hiện là địa phương ghi nhận giá giao dịch thấp nhất khu vực là 72.000 đồng/kg. Giá lợn hơi tại Vũng Tàu và Bến Tre lần lượt là 74.000 đồng/kg và 75.000 đồng/kg. Tại Bạc Liêu, giá lợn hơi ở mức cao nhất là 77.000 đồng/kg.

Đối với các sản phẩm gia cầm tháng qua, giá gà thịt lông màu bán tại trại giữ ổn định ở khu vực miền Bắc, miền Trung và giảm ở khu vực miền Nam, trong khi giá gà

công nghiệp giảm đều tại cả ba miền. Cụ thể, gà thịt lông màu dài ngày miền Bắc ổn định ở mức 60.000 – 75.000 đồng/kg. Giá gà thịt lông màu dài ngày miền Trung giữ mức 47.000 – 55.000 đồng/kg. Giá gà thịt lông màu ngắn ngày khu vực miền Đông Nam Bộ và miền Tây Nam Bộ giảm 5.000 đồng/kg xuống còn 31.000 – 32.000 đồng/kg. Giá gà công nghiệp miền Bắc giảm 4.000 đồng/kg xuống 22.000 đồng/kg. Giá gà công nghiệp miền Trung giảm 3.000 đồng/kg xuống mức 20.000 đồng/kg. Giá gà công nghiệp miền Đông và miền Tây Nam Bộ giảm 3.000 đồng/kg xuống còn 19.000 - 20.000 đồng/kg. Giá trứng gà miền Bắc và miền Trung giữ ở mức 1.200 – 1.700 đồng/quả. Giá trứng gà miền Đông Nam Bộ và miền Tây Nam Bộ tăng 50 đồng/quả, hiện ở mức 1.250 – 1.350 đồng/quả.

10. Thủy sản

Giá trị xuất khẩu thủy sản tháng 3 năm 2021 ước đạt 685 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu thủy sản 3 tháng đầu năm 2021 đạt 1,69 tỷ USD, tăng 3,3% so với cùng kỳ năm 2020. Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc là 4 thị trường nhập khẩu hàng đầu của thủy sản Việt Nam trong 2 tháng đầu năm 2021, chiếm 53,8% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản. Trong 2 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu thủy sản tăng tại hầu hết các thị trường. Cụ thể, xuất khẩu thủy sản sang Mỹ đạt gần 189,15 triệu USD, chiếm 18,9% trong tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của cả nước, tăng 5,4% so với cùng kỳ năm 2020; Nhật bản đạt trên 181,94 triệu USD, chiếm 18,2%, giảm 1,5%; EU đạt 52,92 triệu USD, chiếm 13,48%, giảm 5,93%; Hàn Quốc đạt 35,25 triệu USD, chiếm 9,57, giảm 1,56%; Các nước Đông Nam Á đạt 26,62 triệu USD, chếm 8,26%, giảm 13,95%. Trong đó thị trường có giá trị tăng mạnh nhất là thị trường Nga tăng 44,6%.

Trong khi đó, ước giá trị nhập khẩu mặt hàng thủy sản tháng 3/2021 đạt 205 triệu USD, đưa tổng giá trị thủy sản nhập khẩu 3 tháng đầu năm 2021 đạt gần 505 triệu USD, tăng 21,6% so với cùng kỳ năm 2020. Nguồn nhập khẩu thủy sản trong 2 tháng đầu năm 2021 chủ yếu là từ Ấn Độ (chiếm tỷ trọng 16,7%), Na uy (10,6%) và Trung Quốc (9,2%). So với cùng kỳ năm 2020, giá trị nhập khẩu thủy sản của Việt Nam trong 2 tháng đầu năm 2021 từ các thị trường này đều tăng, mức tăng lần lượt là: 26,2%, 4,8% và 68,9%.

Theo số liệu mới nhất của Cục Nghề cá biển Hoa Kỳ (NMFS), trong tháng 1/2021, Mỹ đã nhập khẩu 10.127 tấn phile cá tra đông lạnh trị giá 24,8 triệu USD, tăng 46,7% về lượng và tăng 27,5% so với tháng 1/2020. Giá trung bình nhập khẩu của cá tra phile đông lạnh ở mức 2,45 USD/kg, giảm 0,8% so với tháng 12/2020 và thấp hơn 13,1% so với tháng 1/2020. Trong tháng 1/2021, Mỹ đã nhập khẩu 69.653 tấn tôm trị giá 601,6 triệu USD, tăng 7% về lượng và 6% về giá trị so với tháng 1/2020. Giá bình quân nhập khẩu tôm đạt 8,63 USD/kg, giảm 2,9% so với tháng 12/2020 và giảm 0,69% so với tháng 1/2020. Đầu năm mới dường như có sự tiếp nối của xu hướng tăng trong nầu hết năm 2020. Mặc dù đại dịch ảnh hưởng nặng nề đến các nhà hàng, khối lượng và giá trị nhập khẩu tôm và cá tra của Mỹ vẫn cao hơn so với cùng kỳ năm 2020.

Thị trường cá tra nguyên liệu tại ĐBSCL trong tháng qua đã bắt đầu cho thấy những chuyển biến khả quan với nhu cầu mua cá thịt (chủ yếu từ 800gr trở lên) sôi động hơn từ phía các đơn vị gia công trong khi nguồn cá nguyên liệu đến size thu hoạch không nhiều. Mức giá tính đến thời điểm hiện nay tăng khoảng 2.000 đ/kg so với tháng trước, dao động 21.000-22.000 đ/kg. Trên thị trường cá giống, nguồn cung vẫn đang ở mức thiếu hụt nhẹ so với nhu cầu thả mới có xu hướng tăng lại của các công ty. Hiện một số doanh nghiệp lớn vừa mua thêm giống thả lại, trong khi phía hộ nuôi tình hình thả mới cũng nhiều hơn. Giá cá giống mẫu 30 con/kg tại ĐBSCL hiện ở mức 31.000-33.000 đ/kg, tăng 3.000-5.000 đ/kg so với thời điểm cuối tháng 2.

Thị trường tôm nguyên liệu ĐBSCL trong tháng có xu hướng giảm ở một số cỡ do nguồn cung tăng, các nhà máy điều chỉnh giảm giá thu mua. Tại Bạc Liêu, giá tôm sú ướp đá cỡ 20 con/kg ở giữ ổn định mức 260.000 đ/kg, cỡ 30 con/kg giảm 40.000 đ/kg so với thời điểm cuối tháng 2 còn 190.000 đ/kg, cỡ 40 con/kg giảm 10.000 đ/kg xuống 130.000 đ/kg. Giá tôm thẻ ướp đá cỡ 60 con/kg ổn định ở mức 115.000 đ/kg, cỡ 70 con/kg 110.000 đ/kg, cỡ 100 con/kg tăng 10.000 đ/kg lên 90.000 đ/kg. Hiện nay mùa vụ thả nuôi tôm nước lợ mới đã bắt đầu nhộn nhịp do các yếu tố thời tiết, độ mặn... cơ bản đã đáp ứng yêu cầu. Dự báo trước mắt giá tôm nhiều khả năng ở mức cao đến giữa quý II, nhưng về lâu dài sẽ rất khó đoán, bởi nó còn phụ thuộc vào tình hình cung – cầu thị trường và diễn biến của dịch Covid-19.

Một số nhận định và dự báo: (i) Với dân số ngày càng tăng và Australia là một trong những nước có tiêu chuẩn sống cao nhất trên thế giới với mức tiêu thụ thủy sản bình quân đầu người tăng. Trong thời gian tới, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang Australia sẽ tăng mạnh, trong đó tôm là mặt hàng chủ lực của Việt Nam sang thị trường này. Tại Australia, tôm được tiêu thụ nhiều nhất với lượng tiêu thụ hàng năm lên tới 50-60 nghìn tấn nhưng sản xuất của Australia không đáp ứng được nhu cầu này. Xuất khẩu tôm của Việt Nam thì Australia là một nước thành viên trong CPTPP, theo cam kết trong CPTPP, tất cả các sản phẩm tôm xuất khẩu sang Australia đều ở 0% ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực nên rất thuận lợi cho xuất khẩu tôm của Việt Nam. Tuy nhiên, các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản sang Australia đảm bảo, tuân thủ những yêu cầu của thị trường này vì Australia là một trong những quốc gia có các yêu cầu về tuân thủ an toàn sinh học và an toàn vệ sinh thực phẩm rất cao, kiểm dịch khắt khe hơn so với những thị trường khác. (ii) Nhu cầu nhập khẩu thủy sản của Nhật Bản: Dự báo, nhu cầu nhập khẩu thủy sản trong thời gian tới sẽ tăng mạnh ở nhóm hàng thủy sản đông lạnh, đóng hộp dễ chế biến tại nhà và có mức giá trung bình. Việt Nam cần tập trung đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm tôm có cỡ phù hợp đang có lợi thế. Ngoài ra mặt hàng cá tra của Việt Nam cũng dần có được ấn tượng với người tiêu dùng Nhật Bản, đây là thời điểm để đẩy mạnh xuất khẩu mặt hàng này tới Nhật Bản do có mức giá phù hợp.

11. Gỗ và sản phẩm gỗ

Giá trị xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ tháng 3 năm 2021 ước đạt 1,43 tỷ USD, đưa giá trị xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ 3 tháng đầu năm 2021 đạt 3,7 tỷ USD, tăng 41,5% so với cùng kỳ năm 2020. Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc là 4 thị trường nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ lớn nhất của Việt Nam trong 2 tháng đầu năm 2021 và chiếm 85,5% tổng giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ. Trong 2 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tăng tại hầu hết các thị trường, ngoại trừ Đài Loan (giảm 34,3%) và Anh (giảm 11%).

Giá trị nhập khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ tháng 3/2021 ước đạt 240 triệu USD, đưa tổng giá trị gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu trong 3 tháng đầu năm 2021 đạt 710 triệu USD, tăng 33,6% so với cùng kỳ năm 2020. Trong 2 tháng đầu năm 2021, 32,8% trong tổng giá trị nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam là từ Trung Quốc, 11,1% từ Hoa Kỳ và 5,1% từ Thái Lan. Giá trị nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam trong 2 tháng đầu năm 2021 từ các thị trường này đều tăng, mức tăng lần lượt là: 72,2%, 1,6% và 58,6%.

Một số nhận định và dự báo: Theo thông tin tổng hợp từ Hiệp hội Gỗ và Lâm sản, mặc dù xuất khẩu gỗ tăng trong quý I nhưng cần cẩn trọng xem xét nguyên nhân tăng trưởng có mang tính bền vững không. Trong khi đó, bối cảnh giá cước container tăng ảnh hưởng không nhỏ tới chi phí là yếu tố cần phải xem xét, tránh sự đứt gãy của quá trình xuất khẩu.

MỘT SỐ THAY ĐỔI VỀ QUY ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

1. Ngày 16 tháng 3 năm 2021, Tổng cục Hải quan Trung Quốc thông báo cấp Mã giao dịch cho phép 02 công ty của Việt Nam được phép xuất khẩu sản phẩm sữa sang thị trường Trung Quốc

Tính đến thời điểm hiện tại, cơ quan chức năng của Trung Quốc đã cấp Mã giao dịch cho phép 09 Công ty/Nhà máy của Việt Nam xuất khẩu các sản phẩm sữa sang thị trường Trung Quốc.

Chi tiết tại: <https://www.moit.gov.vn/web/guest/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/them-02-cong-ty-cua-viet-nam-duoc-phep-xuat-khau-san-pham-sua-sang-thi-truong-trung-quoc-21766-22.html>

2. Thương vụ Việt Nam tại Israel đã nghiên cứu, tổng hợp thông tin từ các nguồn liên quan tại thị trường sở tại và biên soạn cuốn “Sổ tay các quy định, tiêu chuẩn nhập khẩu nông sản và thực phẩm của Israel” nhằm cung cấp nội dung cho các doanh nghiệp Việt Nam có quan tâm, mở rộng hợp tác kinh doanh với thị trường và các doanh nghiệp Israel.

Chi tiết tại đây:

https://www.moit.gov.vn/documents/36315/0/Sổ+tay_Quy+định+về+NK+nông+sản+thực+phẩm+của+Israel_updated+15-3-2021.pdf/

3. Trong thời gian qua, đặc biệt là trong năm 2020 khi xảy ra đại dịch Covid-19, Thương vụ, Đại sứ quán Việt Nam tại UAE liên tục tiếp nhận, phát hiện và xử lý nhiều trường hợp doanh nghiệp Việt Nam nhận được lời mời chào bán, mua hàng, ký kết hợp đồng giao dịch thương mại có dấu hiệu lừa đảo, gian lận từ một số doanh nghiệp có trụ sở tại UAE.

Mặc dù đã có các cảnh báo, lưu ý đối với các doanh nghiệp trong nước, tuy nhiên, do tâm lý chủ quan, lợi nhuận cao, nghiệp vụ ngoại thương hạn chế, cũng như tình hình dịch bệnh Covid-19 khiến việc đi lại, gặp gỡ làm việc trực tiếp hoặc kiểm tra hàng hóa... bị gián đoạn, chuyển hướng sang hình thức giao thương online, nên vẫn có nhiều doanh nghiệp Việt Nam bị lừa, thiệt hại nặng nề trong giao dịch. Tình trạng này đã gây tâm lý e ngại và lo lắng cho các doanh nghiệp Việt Nam khi làm ăn kinh doanh với thị trường này.

Chi tiết tại đây: <https://www.moit.gov.vn/web/guest/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/canh-bao-đoi-voi-cac-hanh-vi-lua-đao-gian-lan-thuong-mai-cua-mot-so-doanh-nghiep-tai-cac-tieu-vuong-quoc-a-rap-thong-nhat-uae--21681-22.html>